

QUYẾT ĐỊNH
Điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu kế hoạch đầu tư công năm 2021

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 29/10/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công tỉnh Đồng Nai năm 2021;

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch & Đầu tư tại Văn bản số 4156/SKHĐT-TĐ ngày 01 tháng 11 năm 2021 về việc trình ký quyết định giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung kế hoạch đầu tư công năm 2021 như sau:

1. Điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn đầu tư công năm 2021

a) Điều chỉnh, bổ sung nguồn vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch:

- Điều chỉnh giảm nguồn vốn xỏ số kiến thiết là: 28.000 triệu đồng.

- Giảm dự toán nguồn vốn khai thác đấu giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch là: 1.130.442 triệu đồng.

b) Bổ sung nguồn vốn do Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch:

Bổ sung hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện từ nguồn vốn xỏ số kiến thiết là: 28.000 triệu đồng.

2. Tổng các nguồn vốn kế hoạch sau điều chỉnh, bổ sung là 13.106.233 triệu đồng, trong đó:

- Nguồn vốn do Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch là 9.727.449 triệu đồng;

- Nguồn vốn do Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp giao chỉ tiêu kế hoạch là 3.378.784 triệu đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục I, II, III, IV, V, VI, VII đính kèm)

3. Tổng các nguồn vốn các năm trước chuyển sang năm 2021 do Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch là 10.266.287 triệu đồng.

Điều 2. Ủy quyền cho Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thông báo các chỉ tiêu kế hoạch vốn đầu tư và xây dựng của các nguồn vốn nói trên đến chủ đầu tư để triển khai thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh Đồng Nai và thủ trưởng các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ KHĐT; Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh Ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN *h. Cao*

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



and
Võ Tấn Đức



Phụ lục I

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 ĐIỀU CHỈNH

Kèm theo Quyết định số 4534 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

ĐVT: triệu đồng

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2021 đã giao			Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		
		Tổng số	Nguồn vốn NST	Nguồn vốn NSH	Tổng số	Nguồn vốn NST	Nguồn vốn NSH
	Tổng số	24.502.964	21.152.180	3.350.784	23.372.520	19.993.736	3.378.784
A	Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương	9.072.692	5.721.908	3.350.784	7.942.250	4.563.466	3.378.784
I	Vốn ngân sách tập trung	3.247.292	1.884.323	1.362.969	3.247.292	1.884.323	1.362.969
1	Ngân sách tỉnh	1.885.415	1.884.323	1.092	1.885.415	1.884.323	1.092
a	Hỗ trợ các dự án xã hội hóa	100.000	100.000	-	52.087	52.087	-
b	Do UBND tỉnh trực tiếp giao chi tiêu	1.784.323	1.784.323	-	1.832.236	1.832.236	-
c	Hỗ trợ các dự án xã hội hóa từ nguồn kết dư các năm trước (Chi tiết theo PL 8)	1.092		1.092	1.092		1.092
2	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	1.361.877		1.361.877	1.361.877	0	1.361.877
a	Phân cấp cho UBND cấp huyện giao chi tiêu	1.298.000		1.298.000	1.298.000		1.298.000
b	Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện (chi tiết theo PL 4)	63.877		63.877	63.877		63.877
II	Đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	4.200.000	3.000.000	1.200.000	3.069.558	1.869.558	1.200.000
1	Hình thành nguồn vốn đầu tư từ nguồn khai thác quỹ đất (ngoài kế hoạch TW thông báo)	2.200.000	2.200.000		1.069.558	1.069.558	
2	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	1.200.000		1.200.000	1.200.000		1.200.000
3	Nguồn thu tiền sử dụng đất nộp quỹ	800.000	800.000		800.000	800.000	
a	Quỹ phát triển nhà	200.000	200.000		200.000	200.000	
b	Quỹ phát triển đất	600.000	600.000		600.000	600.000	
III	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	1.620.000	832.185	787.815	1.620.000	804.185	815.815
1	Do UBND tỉnh trực tiếp giao chi tiêu	827.000	827.000		799.000	799.000	
2	Hỗ trợ các dự án xã hội hóa (Chi tiết theo PL 8)	100.000	5.185	94.815	100.000	5.185	94.815

TT	Nguồn vốn	Kế hoạch năm 2021 đã giao			Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		
		Tổng số	Nguồn vốn NST	Nguồn vốn NSH	Tổng số	Nguồn vốn NST	Nguồn vốn NSH
3	Hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện (chi tiết theo PL4)	45.000		45.000	73.000		73.000
4	Hình thành nguồn vốn đầu tư phân cấp đối với cấp huyện	648.000		648.000	648.000		648.000
IV	Bộ chi ngân sách địa phương	5.400	5.400		5.400	5.400	
B	Vốn ngân sách Trung ương	5.163.983	5.163.983		5.163.983	5.163.983	
I	Vốn trong nước (đầu tư theo ngành, lĩnh vực)	5.065.150	5.065.150		5.065.150	5.065.150	
1	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia	4.660.000	4.660.000		4.660.000	4.660.000	
2	Đầu tư các dự án kết nối, có tác động liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững	3.000	3.000		3.000	3.000	
3	Hỗ trợ có mục tiêu	402.150	402.150		402.150	402.150	
II	Vốn ODA cấp phát từ ngân sách trung ương	98.833	98.833		98.833	98.833	
C	Các nguồn vốn kéo dài các năm trước chuyển sang năm 2021	10.266.289	10.266.289		10.266.287	10.266.287	
I	Nguồn vốn ngân sách tỉnh năm 2020 chuyển sang năm 2021	391.346	391.346		391.346	391.346	
1	Vốn nguồn ngân sách tập trung	349.703	349.703		349.703	349.703	
2	Vốn nguồn thu xổ số kiến thiết	39.643	39.643		39.643	39.643	
3	Vốn nguồn thu tiền sử dụng đất	2.000	2.000		2.000	2.000	
II	Nguồn vốn ngân sách trung ương chuyển sang năm 2021	9.874.943	9.874.943		9.874.941	9.874.941	
1	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia kế hoạch 2020 chuyển nguồn	4.502.793	4.502.793		4.502.793	4.502.793	
2	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia kế hoạch 2019 chuyển nguồn	5.357.629	5.357.629		5.357.627	5.357.627	
3	Hỗ trợ có mục tiêu kế hoạch năm 2020 chuyển nguồn	14.521	14.521		14.521	14.521	



Phụ lục II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ NGUỒN ĐẦU GIẢ ĐẤT

(Kèm theo Quyết định số 4534 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

ĐVT: triệu đồng

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch năm 2021 đã giao				Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư
				NSTT	Đất	NSTT	Đất			
1	2	3	4	5	6	7	8	9		
A	Tổng số			1.884.323	2.200.000	1.884.323	1.069.558	-		
	Thực hiện dự án			1.508.917	1.252.000	1.380.065	984.558	-		
	Giao thông			433.320	1.252.000	424.320	984.558	-		
L.1	Dự án chuyển tiếp			433.320	1.252.000	424.320	984.558	-		
1	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn song hành QL.1A từ đường Đình Tiên Hoàng đến ngã ba Cây Gáo; ngân sách tỉnh 70% TMDT)	TB	2018-2021	12.500		12.500		UBND huyện Trảng Bom		
2	Đường song hành phía Đông quốc lộ 20 huyện Thống Nhất (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	TN	2018-2023	21.000		21.000		UBND huyện Thống Nhất		
3	Nâng cấp tuyến đường Suối Chồn - Bàu Cối, thị xã Long Khánh (ngân sách thị xã chi bồi thường 15,9 tỷ)	LK	2018-2022	10.000		10.000		UBND thành phố Long Khánh		
4	Đường Sông Nhạn - Dầu Giây (từ Hương lộ 10 đến ĐT769), kể cả Bồi thường giải phóng mặt bằng do huyện Thống Nhất thực hiện)	TN	2017-2021	5.000		5.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh		
5	Trung tâm hành chính huyện Long Thành (5 tuyến đã xong giải phóng mặt bằng có dự toán là 70 tỷ đồng)	LT	2017-2021	35.000		35.000		UBND huyện Long Thành		
6	Đường qua khu đô thị mới từ đường Nguyễn Trãi đến đường Lê Hồng Phong	LK	2019-2021	12.000		12.000		UBND thành phố Long Khánh		
7	Dự án Kè sông Vàm Miương - Long Tàu đoạn qua khu vực ấp 2, xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	NT	2019-2022	13.200		8.900		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh		
8	Dự án cải tạo đường Hùng vương – thành phố long khánh (ngân sách tỉnh 50%)	LK	2020-2024	20.000		20.000		UBND thành phố Long Khánh		
9	Dự án đầu tư Xây dựng cầu Thanh Sơn, huyện Định Quán	DQ	2020-2024	30.294	0	30.294		-		
	trong đó									

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch năm 2021 đã giao		Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		Chức năng
				NSTT	Đất	NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
a	Dự án đầu tư Xây dựng cầu Thanh Sơn, huyện Định Quán do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện			30.000		30.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán thực hiện (kể cả hoàn trả dự toán ứng trước năm 2022)			294		294		UBND huyện Định Quán
10	Đường Xuân Mỹ đi Bảo Bình	CM	tối đa 3 năm	44.000		44.000		UBND huyện Cẩm Mỹ
11	Duy tu, sửa chữa các tuyến đường xung quanh Hồ cầu Dầu, thành phố Long Khánh	LK	tối đa 3 năm	12.000		12.000		UBND thành phố Long Khánh
12	Dự án đầu tư nâng cấp tuyến đường Hồ Thị Hương (đoạn giao Quốc lộ 1 đến đoạn giao đường Hồng Thập Tự), thị xã Long Khánh (NST hỗ trợ 100% chi phí xây lắp)	LK	tối đa 3 năm	10.500		10.500		UBND thành phố Long Khánh
13	Dự án đường Hùng Vương nối dài, thị trấn Tân Phú huyện Tân Phú	TP	2019-2023	30.000		30.000		UBND huyện Tân Phú
14	Dự án xây dựng đường Nguyễn Du thị trấn Tân Phú	TP	2019-2023	6.500		6.500		UBND huyện Tân Phú
15	Đường đê bao Đồng Hiệp, huyện Tân Phú	TP	2020-2022	13.500		8.300		UBND huyện Tân Phú
16	Dự án Mở rộng đường từ Quốc lộ 20 vào Trung tâm Đức Mẹ Núi Cúi (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMDT)	TN	tối đa 3 năm	1.000		1.000		UBND huyện Thống Nhất
17	Dự án Tuyến đường Bình Lộc – Tân Nghĩa, thị xã Long Khánh (ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% TMDT) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	LK	2020-2022	10.000		10.000		UBND thành phố Long Khánh
18	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 29+500 (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc)	XL-ĐQ	2019-2023	8.803	122.000	8.803	102.000	-
	Trong đó							-
a	Nâng cấp đường ĐT 763 từ Km 0+000 đến Km 8+300 và Km 15+000 đến Km 24+000 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện				42.000		42.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Xuân Lộc thực hiện				60.000		60.000	UBND huyện Xuân Lộc

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch năm 2021 đã giao		Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư
1	2	3	4	NSTT	Đất	NSTT	Đất	
c	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán thực hiện (kể cả hoàn trả dự toán ứng trước năm 2022)			8.803		8.803	0	UBND huyện Định Quán
d	Nâng cấp đường DT 763 đoạn còn lại (gồm các đoạn từ Km8+300 đến Km15+000 và Km24+000 đến cuối tuyến), do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện				20.000		0	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
19	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 (kể cả bồi thường do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện)	BH	tối đa 5 năm	0	420.000	0	402.800	-
	Trong đó							-
a	Đường Hương lộ 2 - Đoạn 1 do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện				40.000		22.800	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố thực hiện				380.000		380.000	UBND thành phố Biên Hòa
20	Xây dựng cầu Vàm Cài Sứt trên đường Hương lộ 2 nối dài	BH	tối đa 5 năm		86.500		57.840	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
21	Cải tạo nâng cấp đường DT, 768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường DT, 767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư), gồm chi phí bồi thường do huyện Vĩnh Cửu thực hiện	VC	tối đa 5 năm	48.223	129.500	48.223	104.918	-
	Trong đó							-
a	Cải tạo nâng cấp đường DT, 768 đoạn từ cầu Vượt Thủ Biên đến giao với đường DT, 767, thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện				70.000	7.300	38.118	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Vĩnh Cửu thực hiện			48.223	59.500	40.923	66.800	UBND huyện Vĩnh Cửu
22	Dự án đường Hương lộ 7, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	tối đa 5 năm	30.000		30.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
23	Dự án đường Hương lộ 9, huyện Vĩnh Cửu (NST 100% xây lắp)	VC	tối đa 5 năm	30.000		30.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
24	Dự án đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	tối đa 5 năm		494.000		317.000	UBND thành phố Biên Hòa

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch năm 2021 đã giao		Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư
				NSTT	Đất	NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
25	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Thị Minh Khai nối dài (giai đoạn 2) từ Nút giao đường Quang Trung đến đường Nguyễn Trãi, thành phố Long Khánh	LK	2021- 2023	25.000		25.000		UBND thành phố Long Khánh
26	Nâng cấp mở rộng đường 765 đoạn từ Km5+500 đến Km10+000	XL	2017- 2021	2.800		3.300		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
27	Xây dựng nâng cấp, mở rộng đường Đỗ Văn Thi xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa (NST thực hiện phần xây lắp)	BH	2018- 2022	2.000		2.000		UBND thành phố Biên Hòa
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội			38.135	0	38.135	0 -	
II.1	Dự án chuyển tiếp			38.135	0	38.135	0 -	
1	Xây dựng trụ sở làm việc Sở Lao động, thương binh và xã hội	BH	2018- 2022	27.000		27.000		Sở Lao động, thương binh và xã hội
2	Kho lưu trữ UBND huyện Long Thành (NST hỗ trợ xây lắp, không hỗ trợ thiết bị)	LT	2020- 2022	8.035		8.035		UBND huyện Long Thành
3	Dự án đầu tư xây mới Nhà làm việc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội huyện Nhơn Trạch + sửa chữa, cải tạo Trụ sở làm việc Huyện ủy Nhơn Trạch (NST hỗ trợ hỗ trợ khoảng 8,3 tỷ XD Nhà làm việc UBNDTTQ và các đoàn thể)	NT	tối đa 3 năm	2.100		2.100		UBND huyện Nhơn Trạch
4	Trụ sở làm việc Chi cục Bảo vệ Môi trường và một số đơn vị trực thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường	BH	2017- 2022	1.000		1.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
III	Công trình công cộng tại các đô thị			324.200	0	278.170	0 -	
III.1	Dự án chuyển tiếp			324.200	0	278.170	0 -	
1	Dự án tuyến thoát nước dài cây xanh (kể cả BTGPMB)	NT	2017- 2021	3.000		10.000		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan (kể cả BTGPMB do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện)	BH	2017- 2021	84.100	0	67.100	0 -	
	Trong đó:						-	

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch năm 2021 đã				Kế hoạch năm 2021		Chủ đầu tư
				giao		sau điều chỉnh				
				NSTT	Đất	NSTT	Đất			
1	2	3	4	5	6	7	8	9		
a	Chống ngập úng khu vực Suối Chùa, suối Bà Lúa, suối Cầu Quan do Ban Quản lý dự án làm chủ đầu tư			22.500		5.500			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện			61.600		61.600			UBND thành phố Biên Hòa	
4	Dự án hạ tầng điểm dân cư số 6 xã Hiếu Liêm	VC	2017-2021	75.000		75.000			UBND huyện Vĩnh Cửu	
5	Tuyến thoát nước từ Khu công nghiệp I ra rạch Bà Kỳ, huyện Nhơn Trạch	NT	2017-2021	6.000		1.313			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
6	Hệ thống thoát nước khu vực Suối nước Trong huyện Long Thành	LT	2017-2022	88.350		67.487			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
7	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thành phố Biên Hòa (vốn đối ứng theo Hiệp định), trong đó đã bao gồm chi phí BTGPMB do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh làm chủ đầu tư	BH	theo tiến độ Hiệp định	14.000		3.520			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
8	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lợi - Phú Tân, huyện Định Quán	DQ	2019-2021	21.000		21.000			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
9	Nâng cấp, mở rộng hệ thống cấp nước tập trung xã Hàng Gòn, thị xã Long Khánh	LK	2019-2021	750		750			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
10	Dự án Nâng cấp hệ thống cấp nước xã Thừa Đức, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	4.000		4.000			UBND huyện Cẩm Mỹ	
11	Dự án Nâng cấp hệ thống cấp nước xã Sông Nhạn, huyện Cẩm Mỹ	CM	tối đa 3 năm	4.000		4.000			UBND huyện Cẩm Mỹ	
12	Dự án Cấp nước sạch cho 03 xã La Ngà, Phú Ngọc, Ngọc Định	DQ	tối đa 5 năm	24.000		24.000			UBND huyện Định Quán	
IV	Nông nghiệp, lâm nghiệp, điểm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			370.435	0	289.113	0-			
IV.1	Dự án chuyển tiếp			370.435	0	289.113	0-			
1	Dự án Thủy lợi phục vụ tưới vùng mía Định Quán tỉnh Đồng Nai (chưa bao gồm vốn ngân sách TW hỗ trợ) ngân sách tỉnh 138 tỷ	DQ	2017-2022	42.000		42.000			Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	
2	Hồ chứa nước Cà Ròn xã Gia Canh (kể cả chi phí BTGPMB)	DQ	2020-2023	51.000		7.500			UBND huyện Định Quán	
3	Nâng cấp, mở rộng Hồ chứa nước Suối Tre	LK	2017-2021	20.000		20.000			UBND thành phố Long Khánh	

S T T	Danh mục dự án	ĐDD XD	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch năm 2021 đã giao		Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư
				NSTT	Đất	NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
4	Dự án kê gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa-dự án đối ứng theo cam kết vớt Jica khi triển khai dự án TNXLNT tp BH giai đoạn 1 từ vốn ODA	BH	2017-2021	83.700	0			-
	Trong đó:							-
a	Dự án kê gia cố bờ sông Đồng Nai; đoạn từ khu dân cư Cầu Rạch Cát phường Thống Nhất đến Nhà máy xử lý nước thải số 2 phường Tam Hiệp, thành phố Biên Hòa			66.000		43.073		Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND thành phố Biên Hòa thực hiện			17.700		17.700		UBND thành phố Biên Hòa
5	Dự án hệ thống thủy lợi cánh đồng 78A, 78B xã lộ 25 huyện Thống Nhất	TN	Tối đa 3 năm	15.000		15.000		UBND huyện Thống Nhất
6	Trạm bơm áp 7 Phú Tân huyện Định Quán	ĐQ	2018-2021	25.000		20.000		UBND huyện Định Quán
7	Tiêu thoát lũ xã Bình Lộc thị xã Long Khánh (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng)	LK	tối đa 3 năm	10.000		10.000		Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi
8	Nạo vét Rạch mọi xã Bình Hoà	VC	2019-2021	22.000		22.000		UBND huyện Vĩnh Cửu
9	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cái (Ngân sách thành phố chi bồi thường 55,4 tỷ).	LK	tối đa 4 năm	50.000		50.000		UBND thành phố Long Khánh
10	Dự án xây dựng một số hạng mục tiếp theo bổ sung dự án Khẩn cấp bảo tồn Voi tinh Đồng Nai giai đoạn 2014-2020 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	ĐN	tối đa 5 năm	17.000		7.105		Chi cục Kiểm lâm
11	Trạm bơm Đắc Lua	TP	2020-2024	20.000		20.000		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
12	Nạo vét và gia cố kè bờ suối Quán Thủ, huyện Long Thành	LT	2018-2021	14.735		14.735		UBND huyện Long Thành
V	An ninh quốc phòng			173.560	0	173.560	0	0
V.1	Dự án chuyển tiếp			173.560	0	173.560	0	0

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch năm 2021 đã giao				Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư
				NSTT	Đất	NSTT	Đất			
1	2	3	4	5	6	7	8	9		
1	Dự án Trung tâm chỉ huy Công an tỉnh Đồng Nai	BH	2018- 2022	150.000		150.000				Công an tỉnh Đồng Nai
2	Dự án Quốc phòng DA2 (Dự án mật) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)		tối đa 5 năm	15.000		15.000				Bộ chỉ huy quân sự tỉnh
3	Nâng cấp Hệ thống Hội nghị truyền hình Công an tỉnh	BH	2021- 2023	8.560		8.560				Công an tỉnh Đồng Nai
VI	Khoa học công nghệ			11.700	0	11.700	0			
VI.1	Dự án chuyển tiếp			11.700	0	11.700	0			
1	Dự án nâng cấp, kết nối liên thông phần mềm giao dịch bảo đảm phục vụ công tác quản lý nhà nước	BH	tối đa 3 năm	1.700		1.700				Sở Tư Pháp
2	Trung tâm chiếu xạ Sơ khoa học Công nghệ (ngân sách tỉnh 70% khoảng 130 tỷ)	CM	2017- 2021	10.000		10.000				Sở Khoa học và Công nghệ
VII	Kinh phí lập, thẩm định, phê duyệt và công bố quy hoạch (VB 2465/UBND-KT ngày 08/3/2019)			99.000		99.000				Sở Kế hoạch và Đầu tư
VIII	Bố trí vốn thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch			58.567	0	66.067	0			
	Trong đó:									
1	Hoàn trả vốn đã tạm ứng đối với dự án nâng cấp, mở rộng đường DT.767 và cầu Vĩnh An đoạn qua thị trấn Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu	VC		167		167				UBND huyện Vĩnh Cửu
2	Tuyến chôn ụn tắc giao thông trên Quốc lộ 1 khu vực Tân Hòa, thành phố Biên Hòa, huyện Trảng Bom	BH-TB		2.100		2.100				UBND thành phố Biên Hòa
3	Tiêu dự án bồi thường giải phóng mặt bằng dự án BOT đường DT.768	BH-TB		1.300		1.300				UBND thành phố Biên Hòa
4	Nâng cấp, mở rộng đường 319B đoạn qua Khu công nghiệp Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch	NT		47		47				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Dự án xây dựng đoạn 3 tuyến đường Cao Càng, huyện Định Quán (kể cả BTGPMB)	DQ		3.000		3.000				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Nạo vét kênh thoát nước cuối đường số 2 huyện Nhơn Trạch	NT		800		800				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Bệnh viện đa khoa khu vực Xuân Lộc (nay là Bệnh viện đa khoa khu vực Long Khánh)	LK		1.560		1.560				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Dự án Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Trường THPT Phú Ngọc, huyện Định Quán	DQ		420		420				Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Xây dựng đường dây trung thế và TBA vào khu du lịch Thác Mai huyện Định Quán	DQ				7.500				UBND huyện Định Quán

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch năm 2021 đã giao		Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư
				NSTT	Đất	NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
9	Thanh toán cho các dự án đã quyết toán nhưng còn thiếu vốn kế hoạch			49.173		49.173		-
B	Dự phòng bố trí các dự án khởi công mới, chuẩn bị đầu tư (lập dự án đầu tư và chủ trương đầu tư) chỉ thực hiện phân bổ khi đủ điều kiện và thủ tục theo quy định			178.783	948.000	452.171	85.000	-
I	Khởi công mới năm 2021							
1	Dự án Đường Nguyễn Chí Thanh, huyện Tân Phú (lập thiết kế bản vẽ thi công) (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư	TP	2021-2023	480		1.480		UBND huyện Tân Phú
2	Xây dựng đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa - đoạn từ đường Võ Thị Sáu đến đường Đặng Văn Tron (cầu Thống Nhất và đường kết nối 02 đầu cầu) (lập thiết kế bản vẽ thi công	BH	2021-2026			8.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Dự án đường ven Sông Cái từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản, thành phố Biên Hòa (lập thiết kế bản vẽ thi công)	BH	2021-2026			3.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Kè gia cố bờ sông Đồng Nai đoạn từ Đình Phước Lư đến khu dân cư dọc sông Rạch Cát (kể cả chi phí CBĐT)	BH	2020-2023	14.000		14.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Đoạn 2 (từ đầu đường số 9 đến Hương lộ 19) thuộc Dự án đường 25 C giai đoạn 1 (đoạn từ Hương lộ 19 đến đường 319), huyện Nhom Trach (trước đây là Đường 25C huyện Nhom Trach, đoạn còn lại), huyện đã đầu tư đường số 9 đến đường số 2	NT	tối đa 5 năm	50.000		50.000		UBND huyện Nhom Trach
6	Tuyến thoát nước đường số 2 (từ trung tâm huyện Nhom Trach đến Hương lộ 19), huyện Nhom Trach (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	NT	tối đa 4 năm			50.000		UBND huyện Nhom Trach
7	Dự án xây dựng một số hạng mục thuộc Tiểu dự án trạm xử lý nước thải số 1, thành phố Biên Hòa	BH	2021-2024			2.000		UBND thành phố Biên Hòa
8	Dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư, giải phóng mặt bằng đường ven sông cái đoạn từ đường Hà Huy Giáp đến đường Trần Quốc Toản, thành phố Biên Hòa	BH	2011-2027			200.000	85.000	UBND thành phố Biên Hòa
II	Chi phí chuẩn bị đầu tư							

S T T	Danh mục dự án	ĐB XD	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch năm 2021 đã				Kế hoạch năm 2021		Chủ đầu tư
				giao		sau điều chỉnh				
				NSTT	Đất	NSTT	Đất			
1	2	3	4	5	6	7	8	9		
II.1										
Lập dự án đầu tư										
1	Dự án Đường Bàu Trâm - Xuân Thọ, thành phố Long Khánh		2021- 2023	500		500			UBND thành phố Long Khánh	
2	Nạo vét Suối Sắn Mầu đoạn đầu của nhánh suối chính (xuất phát từ phường Tân Hòa) đến cầu Xóm Mai	BH	2018- 2022	3.500		3.500			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
3	Dự án xây dựng đường 25C, đoạn từ Quốc lộ 51 đến Hương lộ 19 (giai đoạn 1)	BH	tối đa 5 năm	850		1.500			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
4	Đầu tư xây dựng tuyến đường Sông Nhạn - Dầu Giây (đoạn còn lại đi qua địa bàn huyện Thống Nhất) Km0+000-Km2+000	TN	tối đa 3 năm	600		600			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
5	Dự án Nâng cấp đường vào di tích lịch sử văn hóa Căn cứ Khu ủy miền Đông, huyện Vĩnh Cửu	VC	tối đa 4 năm	1.000		1.000			Khu bảo tồn thiên nhiên văn hóa Đồng Nai	
6	Dự án Nạo vét Rạch Đông, huyện Vĩnh Cửu	VC	tối đa 5 năm	800		800			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
7	Đường Nguyễn Văn Cù, huyện Tân Phú (NST100%)	TP	tối đa 4 năm	440		440			UBND huyện Tân Phú	
8	Mở rộng mặt đường, bố trí làn xe chuyển hướng tại 02 nút giao Quốc lộ 1 - Hùng Vương (điểm bên xe Long Khánh và điểm công viên tương đối), thành phố Long Khánh (ngân sách thành phố Long Khánh thực hiện bởi thường)	LK	tối đa 4 năm	1.000		1.000			UBND thành phố Long Khánh	
9	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Đa Tôn, huyện Tân Phú (kể cả hoàn tạm ứng)	TP	tối đa 4 năm	1.000		1.000			Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	
10	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Sông Mây, huyện Trảng Borm (kể cả hoàn tạm ứng)	TB	tối đa 3 năm	1.000		1.000			Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	
11	Dự án Cải tạo, sửa chữa hồ Gia Ui, huyện Xuân Lộc (kể cả hoàn tạm ứng)	XL	tối đa 3 năm	1.000		1.000			Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	
12	Nâng cấp tuyến đường Duy Tân (đoạn từ đường Ngõ Quyền đến đường Hàm Nghi), thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 4 năm	1.000		1.000			UBND thành phố Long Khánh	

STT	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch năm 2021 đã giao		Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư
				NSTT	Đất	NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
13	Nâng cấp đường Hoàng Diệu, thành phố Long Khánh (NST 100%)	LK	tối đa 3 năm	500		500		UBND thành phố Long Khánh
14	Đường Tôn Đức Thắng (đoạn từ Trung tâm huyện Nhơn Trạch đến đường Quách Thị Trang), huyện Nhơn Trạch (NST100%,)	NT	tối đa 4 năm	1.000		1.000		UBND huyện Nhơn Trạch
15	Cải tạo, nâng cấp đường Hùng Vương - đoạn từ đường Nguyễn Ái Quốc (Km5+000 đến Km27+400), huyện Nhơn Trạch (NST100%, không có bồi thường)	NT	tối đa 4 năm	1.000		1.000		UBND huyện Nhơn Trạch
16	Kiến cổ hóa kênh mương Bà Kỳ (đoạn từ đường Lý Thái Tổ đến đường 25C), huyện Nhơn Trạch (ngân sách huyện Nhơn Trạch thực hiện bởi thường)	NT	tối đa 4 năm	1.000		1.000		UBND huyện Nhơn Trạch
17	Nâng cấp đường 25B đoạn từ trung tâm huyện Nhơn Trạch ra Quốc lộ 51, huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch (NST100%) (kể cả hoàn tạm ứng)	LT-NT	Tối đa 4 năm	2.000		2.000		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
18	Dự án nâng cấp mặt đê Ông Kéo đoạn từ Km0+000 đến Km7+500, huyện Nhơn Trạch (kể cả hoàn tạm ứng)	NT	tối đa 3 năm	500		500		Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi
19	Đường vào Khu công nghiệp Ông Kéo, huyện Nhơn Trạch	NT	tối đa 4 năm	2.000		2.000		UBND huyện Nhơn Trạch
20	Đầu tư xây dựng đường 25C Đoạn từ đường Hùng Vương (Hương lộ 19) đến đường Liên Cảng (NST100%)	NT	tối đa 4 năm	850		1.600		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
21	Xây dựng hầm chui qua cầu Hóa An để nối đường ven sông Đồng Nai và đường Nguyễn Văn Trị, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 4 năm			1.000		UBND thành phố Biên Hòa
22	Đường từ nút giao Vườn Mít đến đường Võ Thị Sáu, thành phố Biên Hòa	BH	tối đa 5 năm			1.500		UBND thành phố Biên Hòa
23	Đường Xuân Hưng - Xuân Tâm (NST 50% TMĐT)	XL	tối đa 4 năm			900		UBND huyện Xuân Lộc
24	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (giai đoạn 2), NST100%	XL	tối đa 4 năm			450		UBND huyện Xuân Lộc
25	Nâng cấp mở rộng đường Hùng Vương - Trần Phú, NST 50%	XL	tối đa 4 năm			600		UBND huyện Xuân Lộc

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch năm 2021 đã giao				Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư
				NSTT	Đất	NSTT	Đất			
1	2	3	4	5	6	7	8	9		
26	Đường Xuân Thành Trảng Táo (NST 50% TMDT)	XL	tối đa 4 năm			600			UBND huyện Xuân Lộc	
27	Dự án Gia cố sắt lờ bờ sông Đồng Nai (đoạn ấp 8, xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú (giai đoạn 1)	TP	tối đa 5 năm			162			Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi	
28	Nâng cấp đường Xuân Bắc - Thanh Sơn đoạn từ Km2+100-Km18+100 và đoạn từ km3+783 (cầu số 2) đến Km54+183), huyện Xuân Lộc, Định Quán, Vĩnh Cửu (NST100%)	XL- ĐQ-VC	tối đa 4 năm			2.500			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
29	Đầu tư tuyến đường Xuân Quế đi Long Khánh, huyện Cẩm Mỹ - TP. Long Khánh (NST100%)	CM-LK	tối đa 4 năm			1.600			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
30	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường tỉnh DT. 774B (Tà Lài - Trà Cỏ) (NST100%)	TP-ĐQ	tối đa 4 năm			1.600			Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
31	Hệ thống thoát nước và xử lý nước thải thị trấn Long Thành giai đoạn ưu tiên	LT	2020- 2024			470			Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh	
32	Hệ thống thoát nước ấp Tân Đạt, Tân Phát, xã Đồi 61, huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	tối đa 4 năm			700			UBND huyện Trảng Bom	
33	Đường Phú Cường - La Ngà, huyện Định quán	ĐQ	tối đa 4 năm			1.000			UBND huyện Định Quán	
34	Đường dọc Sông Ray	CM	Tối đa 4 năm			1.000			UBND huyện Cẩm Mỹ	
35	Dự án trang thiết bị kiểm soát không chế thiết bị bay không người lái trong bảo đảm an ninh trên địa bàn tỉnh Đồng Nai	ĐN	Tối đa 3 năm			300			Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	
36	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trảng Bom - Thanh Bình, huyện Trảng Bom, NST 100%	TB	tối đa 4 năm			1.000			UBND huyện Trảng Bom	
36	Nâng cấp, mở rộng đường Trảng Bom - Cây Gáo, huyện Trảng Bom	TB	tối đa 4 năm			600			UBND huyện Trảng Bom	
37	Đường Nguyễn Hữu Cánh (đoạn từ đường Nguyễn Hoàng đến đường Nguyễn Huệ), huyện Trảng Bom (100% NST)	TB	tối đa 4 năm			300			UBND huyện Trảng Bom	

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Tiến độ thực hiện	Kế hoạch năm 2021 đã giao		Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh		Chủ đầu tư
				NSTT	Đất	NSTT	Đất	
1	2	3	4	5	6	7	8	9
38	Dự án Bờ bao ngăn lũ sông La Ngà, huyện Tân Phú	TP	tối đa 4 năm			500		Chi cục trồng trọt, bảo vệ thực vật và thủy lợi
39	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng đường Sông Thao - Bàu Hàm, huyện Trảng Bom (khai thác quỹ đất trên địa bàn huyện Trảng Bom)	TB	tối đa 4 năm			1.400		UBND huyện Trảng Bom
II.2	Lập chủ trương đầu tư							Cơ quan nhà nước có thẩm quyền
1	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.773	CM-XL				1.582		Sở Giao thông vận tải
2	Dự án Nâng cấp tuyến đường ĐT.770B	TP-ĐQ- XL				1.907		Sở Giao thông vận tải
3	Đầu tư xây dựng tuyến ĐT.772 (Trảng Bom - Xuân Lộc) (NST100%)	TB-XL				1.691		Sở Giao thông vận tải
4	Dự án Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.769	TN- CM-LT				1.252		Sở Giao thông vận tải
III	Dự phòng chưa phân bổ			92.763	948.000	0	0 -	
IV	Hoàn trả Bội chi năm 2018					76.137		Sở Tài chính
C	Dự phòng hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện (kể cả các dự án do UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch thuộc kế hoạch 2016-2020 đã dự kiến hoàn thành trong năm 2020 nhưng kéo dài sang năm 2021)			96.623		0	0 -	
D	Hỗ trợ các dự án XHHGTNT			100.000		52.087	0 -	



Phụ lục III

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 NGUỒN VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT

(Kèm theo Quyết định số

4534 /QĐ-UBND ngày 01

tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

DVT: Triệu đồng

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm	Tiến độ thực hiện	KH năm 2021 đã giao	KH năm 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7
	Tổng số			832.185	804.185	-
A	Thực hiện dự án			785.750	-	-
I	Y tế			306.182	-	-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021			306.182	-	-
1	Khởi đầu trị bệnh viện Thống Nhất	BH	2017-2021	240.000	240.000	Bệnh viện đa khoa Thống Nhất
2	Trạm Y tế P. An Bình - TP. Biên Hòa	BH	2019-2021	4.800	4.800	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Trạm Y tế xã Bảo Quang - thị xã Long Khánh	LK	2019-2021	3.900	3.900	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trạm Y tế xã Phú Lâm - huyện Tân Phú	TP	2019-2021	7.850	2.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
8	Trạm Y tế xã Mã Đà - huyện Vĩnh Cửu	VC	2019-2021	500	768	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
9	Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	Tối đa 3 năm	10.632	10.632	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
10	Dự án xây dựng khu khám và thăm mỹ Bệnh viện Da liễu Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	tối đa 03 năm	10.000	10.000	Bệnh viện Da liễu Đồng Nai
11	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phổi tỉnh Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	tối đa 03 năm	10.500	10.500	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
12	Cải tạo, nâng cấp, làm mới một số hạng mục đã xuống cấp Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai	BH	tối đa 3 năm	8.000	8.000	Bệnh viện Nhi đồng Đồng Nai
10	Xây dựng mới Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Đồng Nai	XL	2018-2022	10.000	10.000	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
II	Giao dự - đào tạo			16.600	-	-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021			16.600	-	-
1	Xây dựng Trường THPT Chu Văn An	BH	2016-2021	8.500	6.452	Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Dự án xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường nội bộ, vỉa hè, muơng thoát nước và sân khu dạy học trường Đại học Đồng Nai	BH	2020-2022	6.200	6.200	Trường Đại học Đồng Nai

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm	Tiến độ thực hiện	KH năm 2021 đã giao	KH năm 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7
3	Dự án Sửa chữa, cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Vĩnh Cửu, huyện Vĩnh Cửu	VC	2019-2022	900	900	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Sửa chữa cải tạo nâng cấp cơ sở vật chất trường THPT Sông Ray, Cẩm Mỹ	CM	2016-2021	1.000	1.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
III	Văn hóa			98.400	-	-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021			98.400	-	-
1	Dự án mở rộng, tu bổ tôn tạo di tích đền thờ Nguyễn Hữu Cánh	BH	2018-2022	25.000	25.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
2	Làng Văn hoá Đồng bào Choro xã Bảo Vinh	LK	2018-2021	20.000	20.000	UBND thành phố Long Khánh
3	Công viên cây xanh thị xã Long Khánh	LK	2017-2021	2.000	2.000	UBND thành phố Long Khánh
4	Xây dựng nhà ở và hạ tầng khu khu đồng bào dân tộc xã Phú Sơn	TP	2019-2021	1.500	1.500	UBND huyện Tân Phú
5	Dự án Trung tâm tổ chức sự kiện huyện Tân Phú	TP	2019-2021	8.900	8.900	UBND huyện Tân Phú
6	Xây dựng hệ thống hàng rào sân, đường dạo bộ kết hợp tập thể dục thể thao của người dân xung quanh Sân vận động tỉnh	BH	tối đa 3 năm	6.100	6.100	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
7	Xây dựng đường dây trung thế, nâng cấp đường dây hạ thế ngầm, MCCB đảm bảo đáp ứng cho trạm biến áp 1.000KVA tại Sân vận động tỉnh	BH	2020-2022	6.400	6.400	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao
8	Dự án đầu tư mới 01 xe truyền hình màu lưu động theo chuẩn HD cho Đài Phát thanh và Truyền hình Đồng Nai (NST tối đa 25 tỷ đồng, phần còn lại thuộc nguồn vốn của Đài)	BH	2020-2022	20.000	20.000	Đài phát thanh truyền hình Đồng Nai
9	Xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục còn lại của Trung tâm văn hóa thể thao huyện Tân Phú (tên cũ là Khu văn hóa thể dục thể thao huyện Tân Phú, NST đầu tư xây lắp + thiết bị, phần còn lại ngân sách huyện Tân Phú (mặt sân, hàng rào quanh sân, đường chạy, khu nhảy cao, nhảy xa...))	TP	2018-2022	8.500	8.500	UBND huyện Tân Phú
IV	Các lĩnh vực khác			349.568	-	-
	Dự án chuyển tiếp sang năm 2021			349.568	-	-
1	Dự án phát triển lâm nghiệp của Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú, giai đoạn 2016-2020 (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	TP	tối đa 03 năm	6.400	6.400	Ban Quản lý rừng phòng hộ Tân Phú
2	Dự án Nút giao thông giữa đường ĐT 765 với Quốc lộ 1 (ngã ba Suối Cát), huyện Xuân Lộc (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	XL	tối đa 03 năm	5.000	5.000	UBND huyện Xuân Lộc

ST T	Danh mục dự án	Địa điểm	Tiến độ thực hiện	KH năm 2021 đã giao	KH năm 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7
3	Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Nguyễn Trãi, thị xã Long Khánh (NST 50% + NSH 50%)	LK	tối đa 03 năm	10.000	10.000	UBND thành phố Long Khánh
4	Dự án đầu tư Đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán (kể cả bồi thường do huyện Định Quán thực hiện)	ĐQ	tối đa 05 năm	155.700	157.100	-
	Trong đó:					
a	Dự án đầu tư Đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện			41.700	31.700	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Dự án đầu tư Đoạn 1, 2 tuyến đường Cao Cang, huyện Định Quán do UBND huyện Định Quán thực hiện bồi thường			114.000	125.400	UBND huyện Định Quán
5	Dự án Nâng cấp Đường Tà Lài - Trà Cỏ từ km1+600 đến km7+300 huyện Tân Phú và Định Quán (kể cả bồi thường so huyện Định Quán thực hiện)	TP+Đ Q	tối đa 05 năm	55.018	47.948	-
	Trong đó:					
a	Dự án Nâng cấp Đường Tà Lài - Trà Cỏ từ km1+600 đến km7+300 huyện Tân Phú và Định Quán do Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh thực hiện			31.599	24.529	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
b	Dự án Nâng cấp Đường Tà Lài - Trà Cỏ từ km1+600 đến km7+300 huyện Tân Phú và Định Quán do UBND huyện Định Quán thực hiện bồi thường			23.419	23.419	UBND huyện Định Quán
6	Dự án Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Định Quán	ĐQ	tối đa 05 năm	30.000	30.000	UBND huyện Định Quán
7	Dự án xây dựng văn phòng ỏn định nơi làm việc một số đơn vị trực thuộc Sở Giao thông Vận tải (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	tối đa 03 năm	24.000	24.000	Sở Giao thông Vận tải
8	Dự án chống ngập úng khu vực Suối Cải (Ngân sách thành phố chi bồi thường), kể cả hoàn trả dự toán ứng trước năm 2022	LK	Tối đa 4 năm	50.000	50.000	UBND thành phố Long Khánh
12	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 – 2020	ĐN	2019-2021	13.450	13.450	Chi cục Kiểm lâm

S T T	Danh mục dự án	Địa điểm	Tiến độ thực hiện	KH năm 2021 đã giao	KH năm 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6	7
IV	Bố trí vốn thanh toán sau quyết toán đối với các dự án thuộc ngành giáo dục, đào tạo; y tế; văn hóa xã hội			15.000	15.000 -	
B	Các dự án khởi công mới, chuẩn bị đầu tư (lập dự án đầu tư và chủ trương đầu tư) chỉ thực hiện phân bổ khi đủ điều kiện và thủ tục theo quy định			31.250	26.050 -	
I	Khởi công mới năm 2021					
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống điện và hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Cao đẳng công nghệ cao (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	LT	2021-2023	400	6.400	Trường Cao đẳng công nghệ cao Đồng Nai
2	Xây mới Khối 2 tầng Trung tâm y tế huyện Long Thành	LT	2021-2023		1.700	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
3	Trạm Y tế Phường Thống Nhất - Tp. Biên Hòa,	BH	2021-2023		1.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
4	Trạm Y tế Phường Bình Đa - Tp. Biên Hòa	BH	2021-2023		1.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
5	Trạm Y tế xã Phước An - huyện Nhơn Trạch	NT	2021-2023		1.700	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
6	Dự án sửa chữa, cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Cẩm Mỹ	CM	2021-2024		5.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
7	Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống điện cho Trường Đại học Đồng Nai - cơ sở III tại thành phố Biên Hòa	BH	2021-2023		4.500	Trường Đại học Đồng Nai
8	Dự án Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp nhà hát nghệ thuật Đồng Nai (kể cả chi phí chuẩn bị đầu tư)	BH	2021-2023	400	4.400	Nhà hát Nghệ thuật Đồng Nai
II	Chi phí chuẩn bị đầu tư				-	-
1	Dự án đầu tư xây dựng mới Hội trường biểu diễn kết hợp khối 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn - Trường Trung cấp Nghệ thuật Đồng Nai (thay thế cho dự án Sửa chữa, cải tạo Ký túc xá (cũ) thành 08 phòng lớp học đạt tiêu chuẩn, làm mới sân, đường, điện tổng thể Trường Trung cấp văn hóa nghệ thuật Đồng Nai) (kể cả hoàn trả vốn tạm ứng)	BH	tối đa 3 năm	350	350	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
III	Dự phòng chưa phân bổ			30.100	0 -	
C	Dự phòng hỗ trợ có mục tiêu cho cấp huyện (kể cả các dự án do UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch thuộc kế hoạch 2016-2020 đã dự kiến hoàn thành trong năm 2020 nhưng kéo dài sang năm 2021)			10.000	-	
B	Hỗ trợ các dự án XHHGTNT			5.185	5.185 -	



Phụ lục IV

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUYÊN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG VÀ NGUỒN XỔ SỔ KIẾN THIẾT NĂM 2021 HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

(Kèm theo Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

S T T	Danh mục dự án	ĐD XD	Kế hoạch 2021 đã giao	Kế hoạch 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
1	2	3	4	5	6
	Tổng số		108.877	136.877	-
I	NGUỒN VỐN NGÂN SÁCH TẬP TRUNG		63.877	63.877	-
I.1	Dự án chuyển tiếp				-
1	Mương thoát nước dọc tuyến đường Bình Minh – Giang Điền, huyện Trảng Bom (tối đa 20 tỷ)	TB	8.000	8.000	UBND huyện Trảng Bom
2	Xây dựng đường vào Cụm công nghiệp Long Giao, huyện Cẩm Mỹ	CM	5.400	5.400	UBND huyện Cẩm Mỹ
3	Dự án đường từ xã Đắc Lua đi huyện Đăng Hà, tỉnh Bình Phước	TP	30.000	30.000	UBND huyện Tân Phú
4	Dự án Căn cứ hậu cần kỹ thuật kết hợp thao trường huấn luyện (kể cả hoàn trả tạm ứng)	VC	477	477	UBND huyện Vĩnh Cửu
5	Nâng cấp, mở rộng đường be 129, xã Phú Thanh, huyện Tân Phú	TP		20.000	UBND huyện Tân Phú
I.2	Dự phòng phân bổ khi đủ điều kiện và thủ tục theo quy định		20.000	0	-
II	NGUỒN VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT		45.000	73.000	-
II.1	Ngành giáo dục		20.000	44.000	-
	Dự án chuyển tiếp				-
1	Xây dựng trường mầm non Sông Ray	CM	10.000	10.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
2	Trường tiểu học Long Thọ 2, huyện Nhơn Trạch	NT	5.000	5.000	UBND huyện Nhơn Trạch
3	Trường THCS Long Thọ 2, huyện Nhơn Trạch	NT	5.000	5.000	UBND huyện Nhơn Trạch
4	Xây dựng trường Tiểu học - THCS Mã Đà, huyện Vĩnh Cửu	VC		10.000	UBND huyện Vĩnh Cửu
5	Trường tiểu học Tân Phú, huyện Vĩnh Cửu	VC		10.000	UBND huyện Vĩnh Cửu
6	Xây dựng trường mầm non Hòa Mi, huyện Cẩm Mỹ			4.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
II.2	Các lĩnh vực khác		15.000	29.000	-
	Dự án chuyển tiếp				-
1	Đường 30/4 xã Bàu Hàm, huyện Trảng Bom	TB	15.000	15.000	UBND huyện Trảng Bom
2	Nâng cấp, mở rộng đường ấp 3 Lâm San - Quảng Thành, huyện Cẩm Mỹ			14.000	UBND huyện Cẩm Mỹ
II.3	Dự phòng phân bổ khi đủ điều kiện và thủ tục theo quy định		10.000	0	-

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021 đã giao	Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Trong đó: NSTW			
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
B.1.1	Giao thông			7.760.918	3.774.244		319.950	302.700	-
I	Nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư							-	
	Đường Vành đai 1, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai		2021 - 2024	27/NQ-HĐND ngày 4/12/2020, 22/NQ-HĐND ngày	1.082.000	500.000		4.000	UBND thành phố Long Khánh
III	Thực hiện dự án							-	
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021							-	
b	Dự án nhóm B							-	
1	Dự án đường hương lộ 10 từ ranh giới huyện Long Thành và huyện Cẩm Mỹ đến vị trí giao với đường tỉnh ĐT 769 (đoạn 2)	LT-CM	2016-2020	510, 19/02/2016; 4185, 20/11/2017; 3892, 29/11/2019; 4328, 30/12/2019	272.606	179.244	40.700	40.700	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
(3)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021							-	
b	Dự án nhóm B							-	
2	Nâng cấp đường tỉnh 763 đoạn từ Km0+000 đến Km29+500 (cuối tuyến), huyện Xuân Lộc và huyện Định Quán (vốn trung ương đầu tư đoạn từ Km8+300 đến Km15+000 và Km24+000 đến cuối tuyến) (kể cả bồi thường giải phóng mặt bằng do UBND huyện Định Quán và huyện Xuân Lộc thực hiện)	XL-ĐQ	2021 - 2024	4121/QĐ-UBND ngày 17/11/2017	599.946	170.000		85.000	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
(4)	Dự án khởi công mới năm 2021							-	
1	Đường ven sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)	BH	2021-2024	3533/QĐ-UBND ngày 29/9/2020	1.289.160	400.000		177.000	UBND thành phố Biên Hòa
	Dự phòng chưa phân bổ						279.250	0	
B.1.2	Xã hội								
III	Thực hiện dự án								
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021								
					49.952	45.000	32.200	32.200	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch năm 2021 đã giao	Kế hoạch năm 2021 sau điều chỉnh	Chủ đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT				
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW			
<i>b</i>	<i>Dự án nhóm B</i>								-
I	Dự án xây dựng trung tâm công tác xã hội tổng hợp tỉnh Đồng Nai		2020-2024	3439/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	49.952	45.000	32.200	32.200	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
B.1.3	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				641.785	420.550	0	60.000	-
III	Thực hiện dự án								-
(2)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021								-
<i>c</i>	<i>Dự án nhóm C</i>								-
I	Dự án Nâng cao năng lực phòng cháy, chữa cháy rừng tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2016 - 2020 (giai đoạn 1)		2019-2021	3602/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	27.795	20.550	0	0	Chi cục Kiểm lâm
(4)	Dự án khởi công mới năm 2021								-
	<i>Dự án nhóm B</i>								-
I	Xây dựng Kè sông Đồng Nai, thành phố Biên Hòa (từ cầu Hóa An đến giáp ranh huyện Vĩnh Cửu)		2011-2024	2186/QĐ-UBND ngày 30/6/2021	613.990	400.000		60.000	UBND thành phố Biên Hòa
B.2	Dự phòng chưa phân bổ						50.000	3.250	-



Phụ lục VI

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG NĂM 2021 CỦA CÁC DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI
(Kèm theo Quyết định số 4534/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

Đơn vị: Triệu đồng

TT		Danh mục dự án	Nhà tài trợ	Ngày ký kết hiệp định	Ngày kết thúc Hiệp định	Số quyết định	Quyết định đầu tư																	Lấy kế giải ngân từ khởi công đến hết ngày 31/01/2020	Kế hoạch năm 2020				Kế hoạch năm 2021				Ghi chú
							TMĐT																										
							Trong đó:																										
							Vốn đối ứng			Vốn nước ngoài (theo Hiệp định)																							
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn NSTW		Trong bảng nguyên tệ		Quy đổi ra tiền Việt		Trong đó:		Tổng số		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)		Tổng số		Vốn nước ngoài (vốn NSTW)					

Phụ lục VII

**BẢNG TỔNG HỢP CÂN ĐỐI VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2021 PHÂN CẤP
ĐỐI VỚI UBND CẤP HUYỆN CẤP QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ**

(Kèm theo Quyết định số 4534 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Phân bổ nguồn vốn đầu tư công cấp huyện năm 2021							
		Tổng số	Nguồn vốn ngân sách tập trung	bổ sung có mục tiêu nguồn NSTT	Nguồn vốn xã số kiến thiết	Bổ sung có mục tiêu nguồn XSKT	nguồn XSKT	nguồn kết dư	Nguồn vốn thu tiền sử dụng đất
1	2	3=4+5+6+7+8	4	5	6	7			8
	Tổng số	3.378.784	1.298.000	63.877	648.000	73.000	94.815	1.092	1.200.000
1	Thành phố Biên Hoà	630.819	171.834		85.785				373.200
2	Thành phố Long Khánh	215.209	107.049		53.442		3.718		51.000
3	Huyện Nhơn Trạch	307.388	103.180		51.510	10.000	352	146	142.200
4	Huyện Long Thành	458.270	104.767		52.303				301.200
5	Huyện Trảng Bom	354.891	103.180	8.000	51.511	15.000	20.000		157.200
6	Huyện Cẩm Mỹ	231.727	108.140	5.400	53.987	28.000	20.000		16.200
7	Huyện Xuân Lộc	200.049	119.134		59.475		1.640		19.800
8	Huyện Tân Phú	293.563	135.932	50.000	67.861	10.000	17.770		12.000
9	Huyện Định Quán	251.012	128.074		63.938		20.000		39.000
10	Huyện Thống Nhất	191.794	102.188		51.015		9.445	946	28.200
11	Huyện Vĩnh Cửu	244.062	114.522	477	57.173	10.000	1.890		60.000